

My
me

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong
lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 04/TTr-STC ngày 15/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày

31/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (*Chi tiết, có phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 03 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực thuế trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết, có phụ lục II, đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định

2. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện, xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, gỡ bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, TC, XD&CT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC THUẾ								
1	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ - Đối với xe ô tô thuộc trường hợp	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ - Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu chi phí	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không		x	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. - Luật Đường bộ số 35/2025/QH15 - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn,

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			không chịu chi phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên, xe bị mất trộm thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại xe cho chủ xe chậm	được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất 1,5 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên, xe bị mất trộm thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại xe cho chủ xe chậm nhất 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề					quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			nhất 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ chi phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ chi phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 1,5 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm	ngộ trả lại hoặc bù trừ chi phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ chi phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ chi phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 1,5 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP - Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công	định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP - Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	3.000252	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ ngày 30 ngày trở lên	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không		x	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. - Luật Đường bộ số 35/2025/QH15 - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô
3	3.000255	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông,	- Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra	- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không		x	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng	và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. - Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định). - Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho	nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. - Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định). - Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đường bộ số 35/2025/QH15 - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định.	tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định.					

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC THUẾ								
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện: Tổ chức thu phí thẩm định Tờ khai phí trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo	- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện: Tổ chức thu phí thẩm định Tờ khai phí trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không		x	- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày

			<p>nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.</p>	<p>Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.</p>				<p>11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp lãnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	--

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THUẾ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THUẾ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THUẾ			
1	3.000253	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025	
2	3.000254	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025	
3	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025	